TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 23-4-2025.
"V/*v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Chung Thị Thu Nguyệt**.

Bà **Nguyễn Thị Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã BT, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

** Bà B có đơn xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà B với ông Nguyễn Hoàng T tự quen biết và sống chung như vợ chồng từ năm 2006 cho đến nay; giữa bà B và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, và được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xác nhận bằng Công văn số 153/UBND-HT ngày 31/10/2024. Thời

gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2024, thì bà B và ông T thường phát sinh mâu thuẫn, cải nhau; bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau; bà B đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng hai bên vẫn không thể sống chung được nên bà B đã ly thân ông T từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Bà B và ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để chung sống với ông Tâm được nữa, nay bà B yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Bà b và ông T có con chung tên Đoàn Thị Trúc Ph, sinh ngày 01/5/2012 (cháu Ph đang sống với bà B). Sau khi ly hôn bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 16, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử: Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Đoàn Thị B với Nguyễn Hoàng T là quan hệ vợ chồng. Về nuôi con chung: giao con chung Đoàn Thị Trúc Ph cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bà Đoàn Thị B xin ly hôn ông Nguyễn Hoàng T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà B và ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông T có địa chỉ thường trú tại số 434A, ấp Bình An, xã BT, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn bà B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Theo bà B trình bày vợ chồng bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 cho đến nay; giữa bà B với ông T không có đăng ký kết hôn phù hợp với công văn số 153/UBND-HT ngày 31/10/2024. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà B và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có làm thủ tục kết theo quy định. Quá trình sống chung thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2024 thì bà B và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông T đã ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay; mạnh ai người nấy sống không còn liên lạc qua lại. Mặt khác, việc bà B và ông T không tiến hành đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà B và ông T không được pháp luật công nhận vợ chồng và không được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Từ điều luật dẫn giải nêu trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Bt là phù hợp với Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Đoàn Thị B và ông Nguyễn Hoàng T là quan hệ vợ chồng là phù hợp khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bi. Như vậy, việc vắng mặt của ông T được xem là từ bỏ quyền trình bày của mình và để mặc cho cuộc hôn nhân này, không mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà B và ông T có con chung tên tên Đoàn Thị Trúc Ph, sinh ngày 01/5/2012 (cháu Ph đang sống với bà B). Sau khi ly hôn bà B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo quy định pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; đặc biệt là các điều kiện

cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Mặt khác, bà B và ông T ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, thì bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu Đoàn Thị Trúc Ph vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần như bao đứa trẻ khác. Đồng thời cháu Ph có nguyện vọng sống với bà B sau khi bà B và ông T ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà B là có cơ sở, nên việc tiếp tục giao con chung tên Đoàn Thị Trúc Ph cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Hoàng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về chia tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà B xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Đoàn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2.6] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B.

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Thị B và ông Nguyễn Hoàng T.

3. Về nuôi con chung: Giao con chung Đoàn Thị Trúc Ph, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Đoàn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng (Cháu Ph đang sống với bà B); bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, bà Đoàn Thị B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và ông T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của bà Biết.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Bà Đoàn Thị B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001413 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

7. Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị B và ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa nên bà B và ông T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ cho bà Biết và ông Tâm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các Đương sự;
- UBND xã BT;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Mân